

LIÊN HỆ

Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Trưởng nhóm phân tích
hanh.nguyen@visrating.com

Nguyễn Trường Giang
Chuyên viên phân tích
giang.nguyen@visrating.com

Phan Duy Hưng, CFA, MBA
Giám đốc cấp cao - Ban Định
chế Tài chính
hung.phan@visrating.com

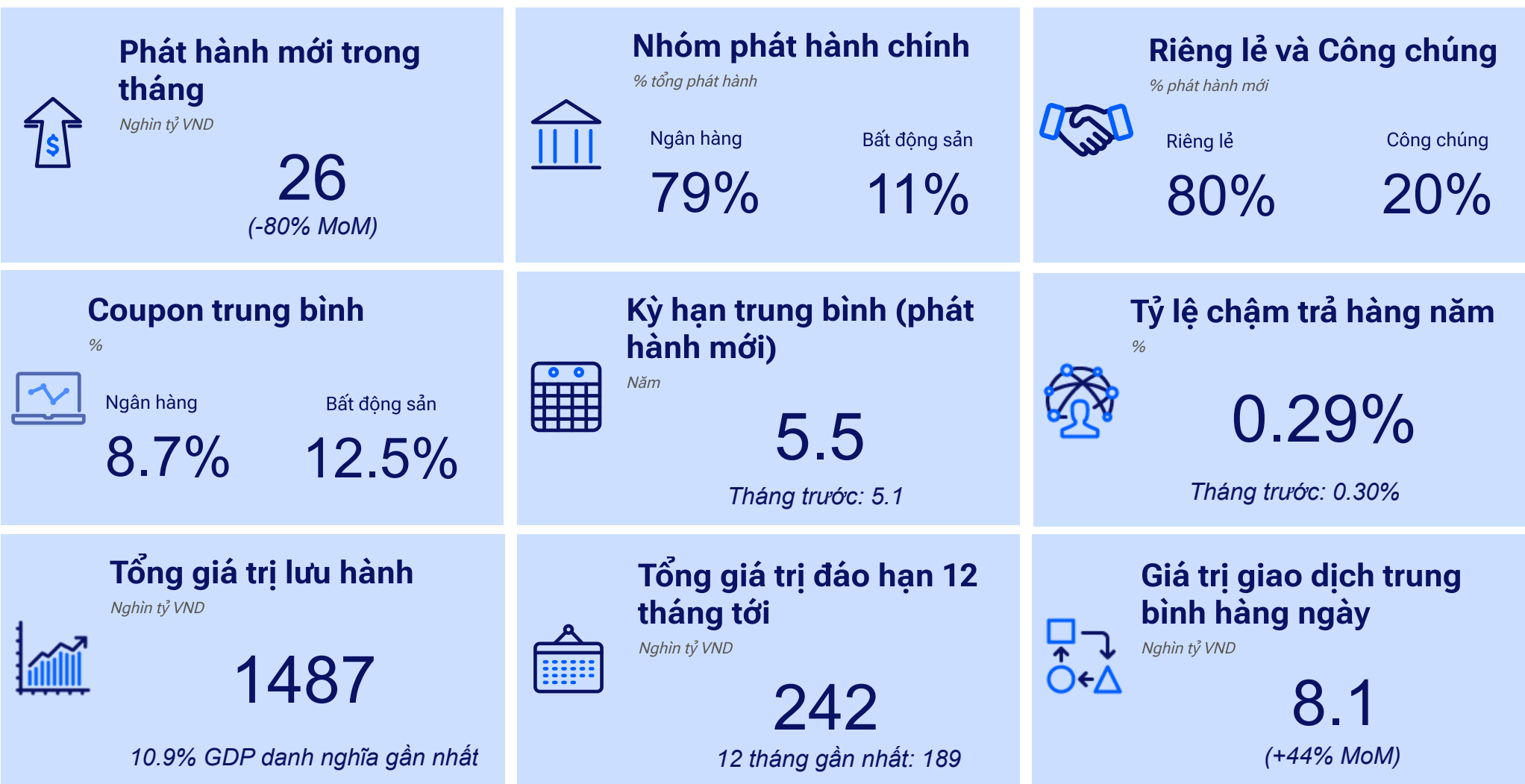
Simon Chen, CFA
Giám đốc Khối Xếp hạng tín
nhiệm và Nghiên cứu
simon.chen@visrating.com

<https://visrating.com>

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

11 THÁNG 8 NĂM 2026

Hình 1: Những điểm nhấn của Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp tháng 7/2026



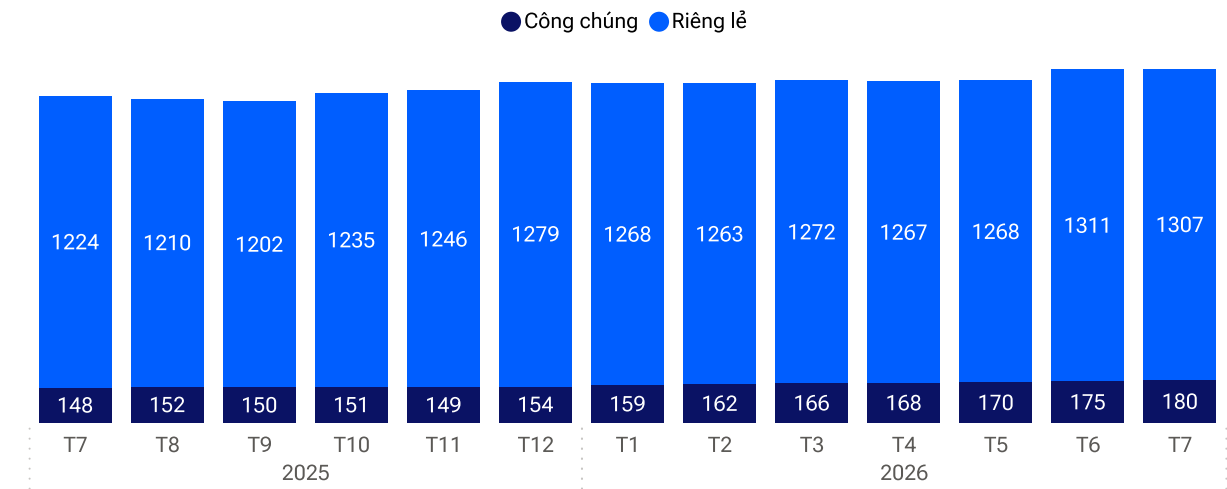
Ghi chú: MoM: So với tháng trước, YTD: Từ đầu năm đến hiện tại, LTM: 12 tháng gần nhất; Tổng giá trị lưu hành bao gồm cả các trái phiếu đã chậm trả nhưng chưa thanh toán cho trái chủ.
 Nguồn: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), VIS Rating.

Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật đến ngày 07/08/2026, trừ khi có ghi chú khác. Thông tin chi tiết có thể được cung cấp khi có yêu cầu.

Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

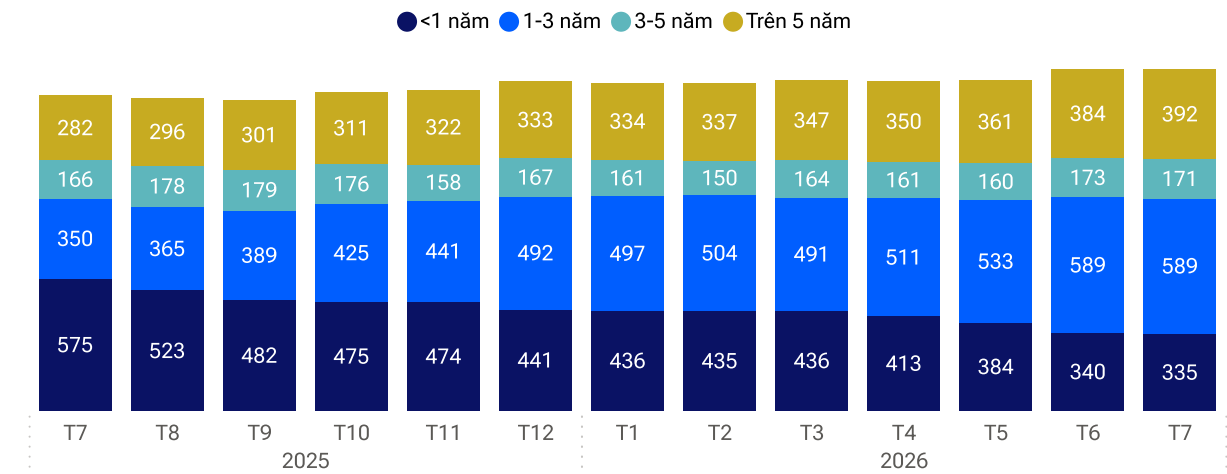
Dư nợ trái phiếu lưu hành toàn thị trường

Hình 2: Dư nợ theo loại hình phát hành



Đơn vị: Nghìn tỷ đồng
Nguồn: HNX, SSC, VIS Rating

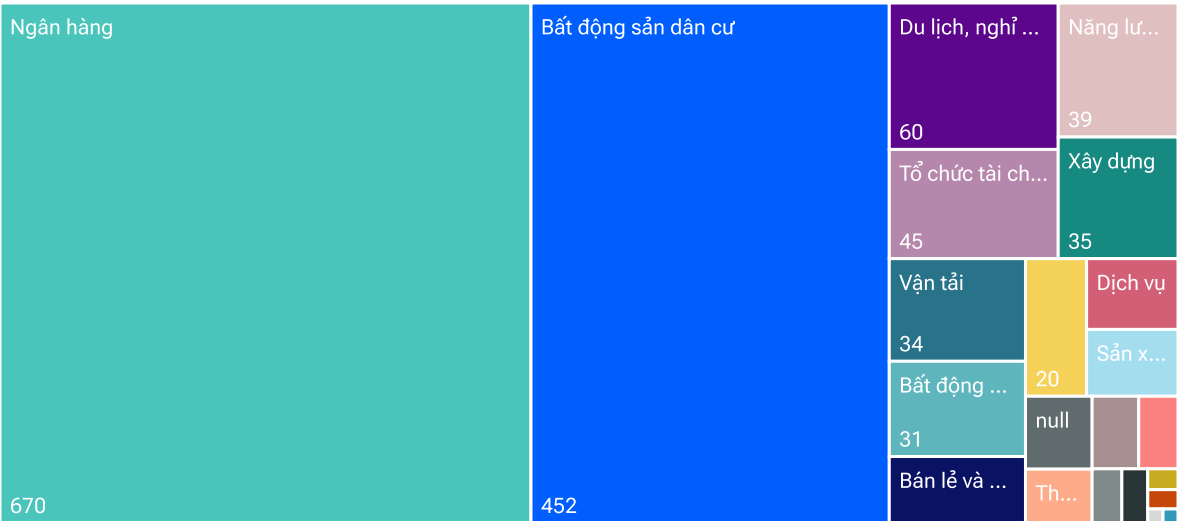
Hình 4: Dư nợ trái phiếu theo kì hạn còn lại



Đơn vị: Nghìn tỷ đồng
Nguồn: HNX, SSC, VIS Rating

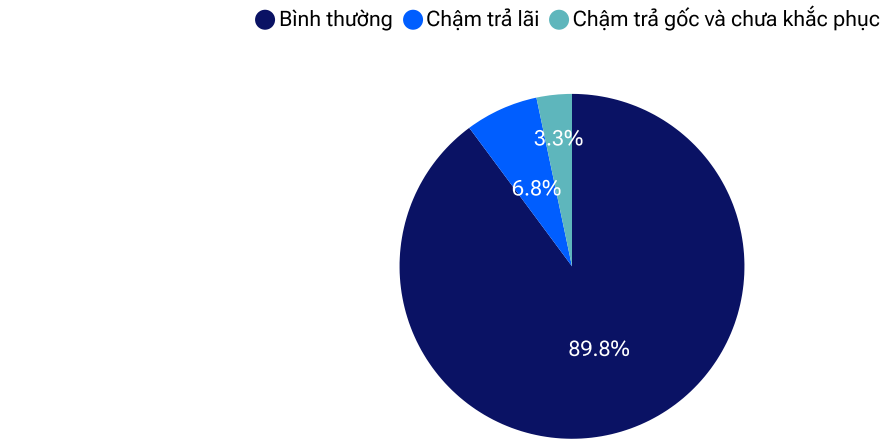
Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

Hình 3: Dư nợ trái phiếu theo ngành tại tháng 7/2026



Đơn vị: Nghìn tỷ đồng
Nguồn: HNX, SSC, VIS Rating

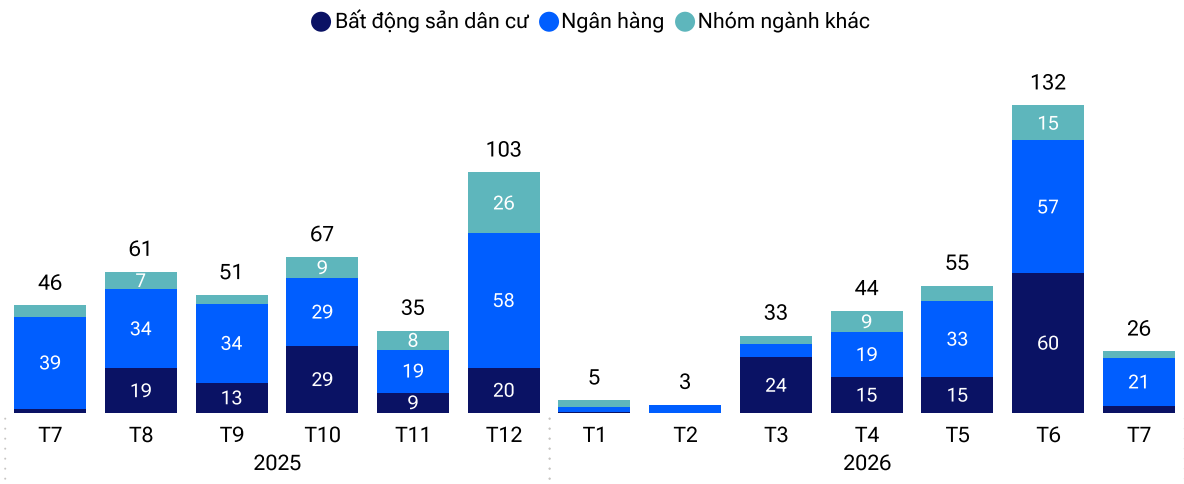
Hình 5: Dư nợ trái phiếu theo tình trạng thanh toán gốc lãi



Nguồn: HNX, SSC, VIS Rating

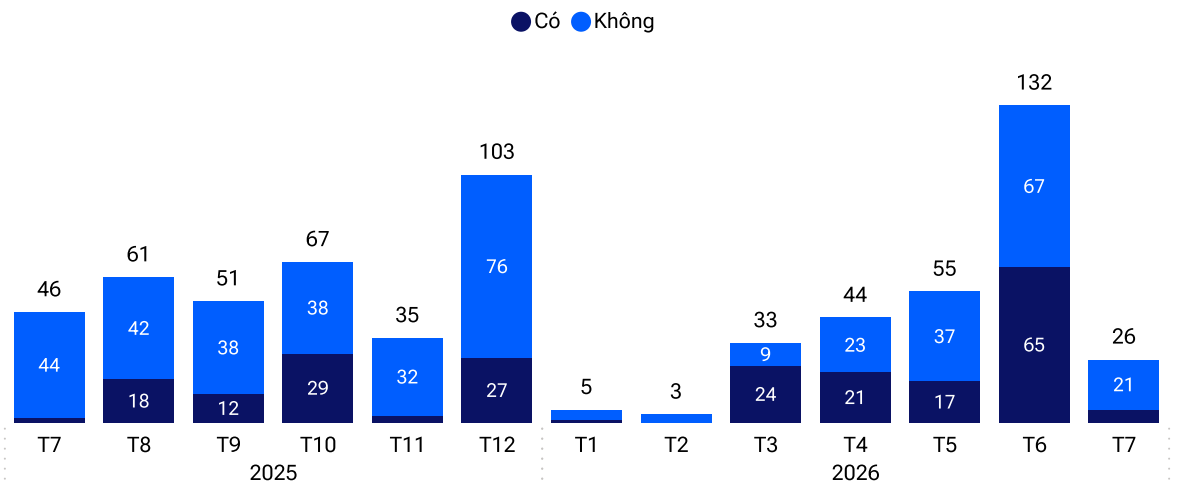
Phát hành mới (1/2)

Hình 6: Phát hành mới hàng tháng theo nhóm ngành



Đơn vị: Nghìn tỷ đồng
Nguồn: HNX, SSC, VIS Rating

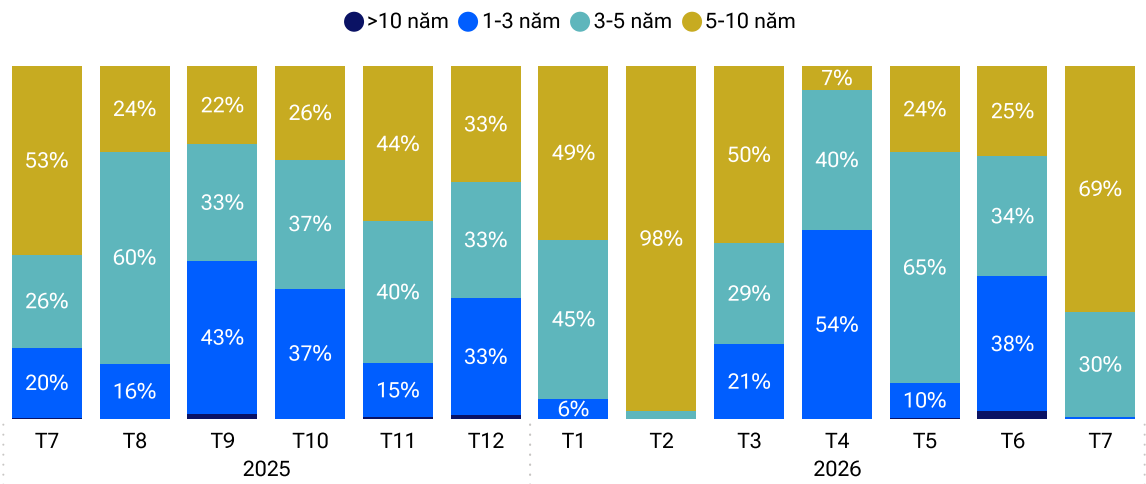
Hình 8: Giá trị phát hành mới hàng tháng theo tài sản bảo đảm



Đơn vị: Nghìn tỷ đồng
Nguồn: HNX, SSC, VIS Rating

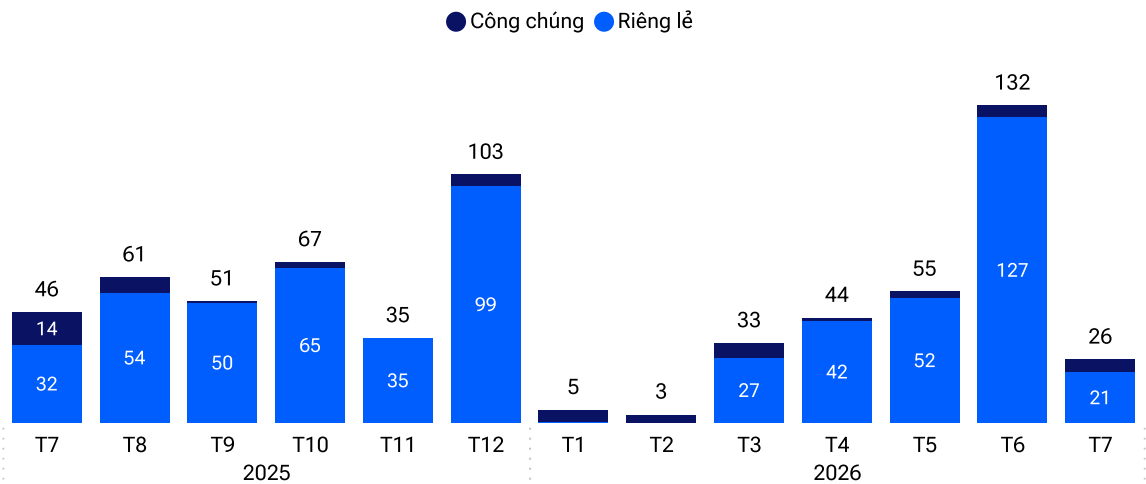
Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

Hình 7: Cấu trúc kỳ hạn của trái phiếu phát hành mới



Nguồn: HNX, SSC, VIS Rating

Hình 9: Giá trị trái phiếu phát hành riêng lẻ và ra công chúng



Đơn vị: Nghìn tỷ đồng
Nguồn: HNX, SSC, VIS Rating

Phát hành mới (2/2)

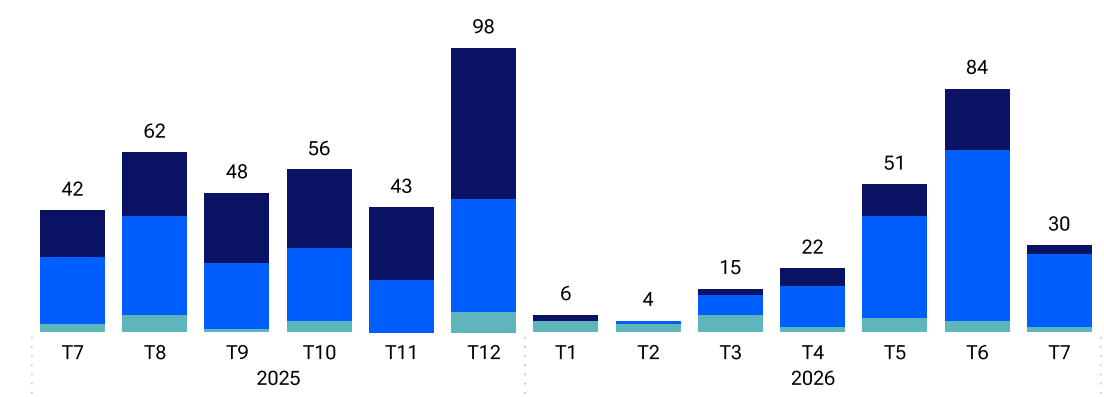
Hình 10: Các đợt phát hành trái phiếu lớn nhất trong tháng 7/2026

Tên trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Hình thức phát hành	Giá trị phát hành	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)	Tài sản đảm bảo	Thứ tự ưu tiên	Lãi suất kỳ đầu tiên	Kỳ trả lãi (tháng)	Dư nợ trái phiếu
HDBC7Y263302	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	Công chứng	2715	24/07/2026	7.00	Không	Thứ cấp	8.7%	12	65078
HDBC8Y263402	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	Công chứng	2585	24/07/2026	8.00	Không	Thứ cấp	8.8%	12	65078
MBB12621	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	Riêng lẻ	2300	30/07/2026	3.00	Không	Thường	8.9%	12	49873
STB12607	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Ngân hàng	Riêng lẻ	2230	30/07/2026	6.00	Không	Thứ cấp	10%	12	21950
BID12610	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	Riêng lẻ	2000	17/07/2026	6.00	Không	Thứ cấp	8.3%	12	81928
CIC12601	Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng Crystal	Nhóm ngành khác	Riêng lẻ	2000	16/07/2026	5.00	Có	Thường	12.5%	6	2000
VHM12613	CTCP Vinhomes	Bất động sản dân cư	Riêng lẻ	2000	10/07/2026	3.00	Có	Thường	12.5%	3	82090
HDB12608	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	Riêng lẻ	1000	10/07/2026	7.00	Không	Thứ cấp	8.5%	12	65078
PCB12601	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Ngân hàng	Riêng lẻ	1000	31/07/2026	7.00	Không	Thứ cấp	9.8%	12	1000
STB12608	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Ngân hàng	Riêng lẻ	1000	31/07/2026	6.00	Không	Thứ cấp	10%	12	21950

Đơn vị: Tỷ đồng
Nguồn: HNX, SSC, VIS Rating

Hình 11: Số lượng đợt phát hành mới theo nhóm nhà đầu tư

TPRL bán cho cả cá nhân chuyên nghiệp TPRL chỉ bán cho tổ chức Trái phiếu công chứng



Đơn vị: Số lượng trái phiếu
Nguồn: HNX, SSC, VIS Rating

Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

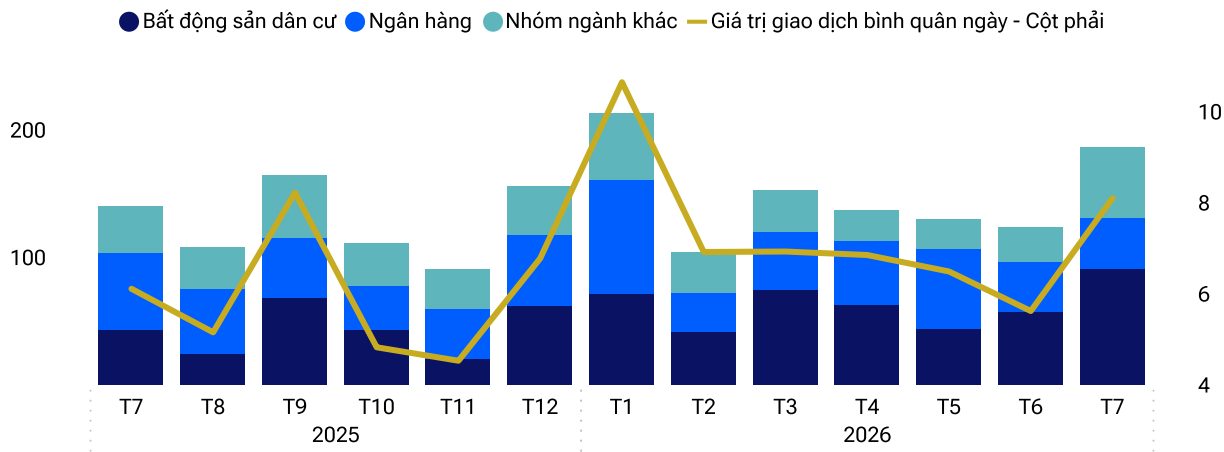
Hình 12: 10 tổ chức phát hành có quy mô lớn nhất kể từ đầu năm



Đơn vị: Tỷ đồng
Nguồn: HNX, SSC, VIS Rating

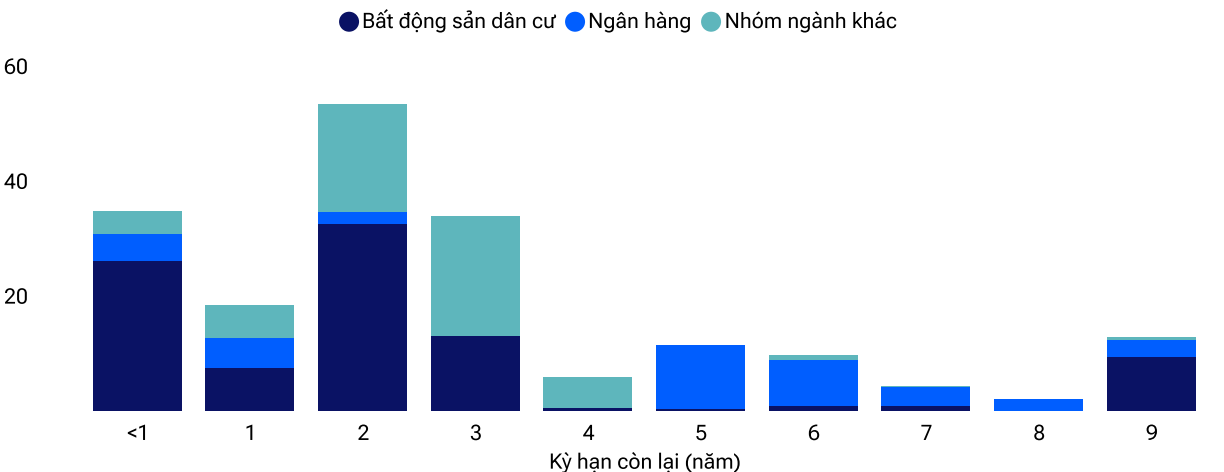
Thị trường thứ cấp

Hình 13: Giá trị giao dịch trên thị trường thứ cấp theo ngành



Đơn vị: Nghìn tỷ VND
Ghi chú: Giá trị giao dịch bình quân ngày được tính bằng tổng giá trị giao dịch trong tháng chia cho số ngày làm việc trong tháng.
Nguồn: HNX, VIS Rating

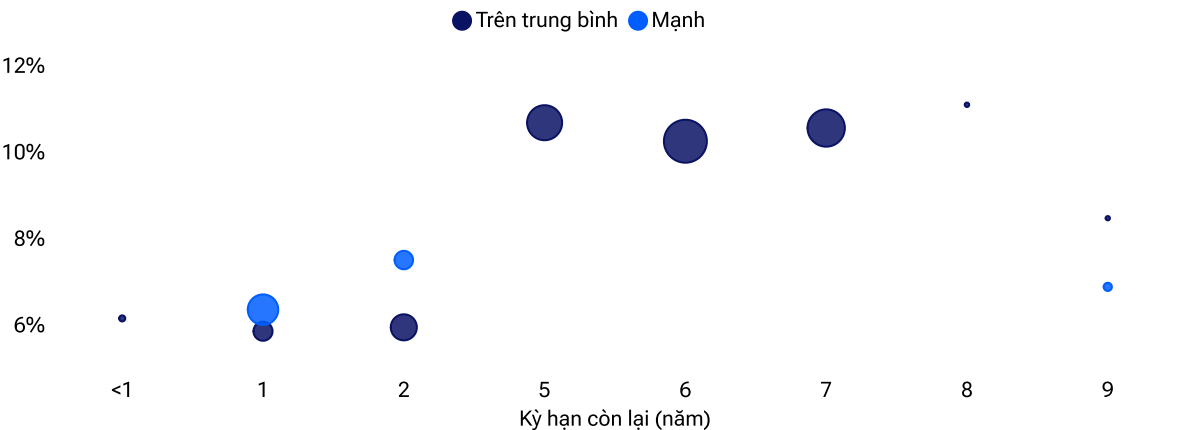
Hình 15: Khối lượng giao dịch theo kỳ hạn trong tháng 7/2026



Đơn vị: Nghìn tỷ đồng
Nguồn: HNX, VIS Rating

Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

Hình 14: Lợi suất (YTM) trung bình của trái phiếu ngân hàng phân theo mức xếp hạng tín nhiệm



Ghi chú: YTM trung bình được ước tính từ dữ liệu giao dịch từng tháng và không bao gồm trái phiếu chuyển đổi
Nguồn: HNX, VIS Rating

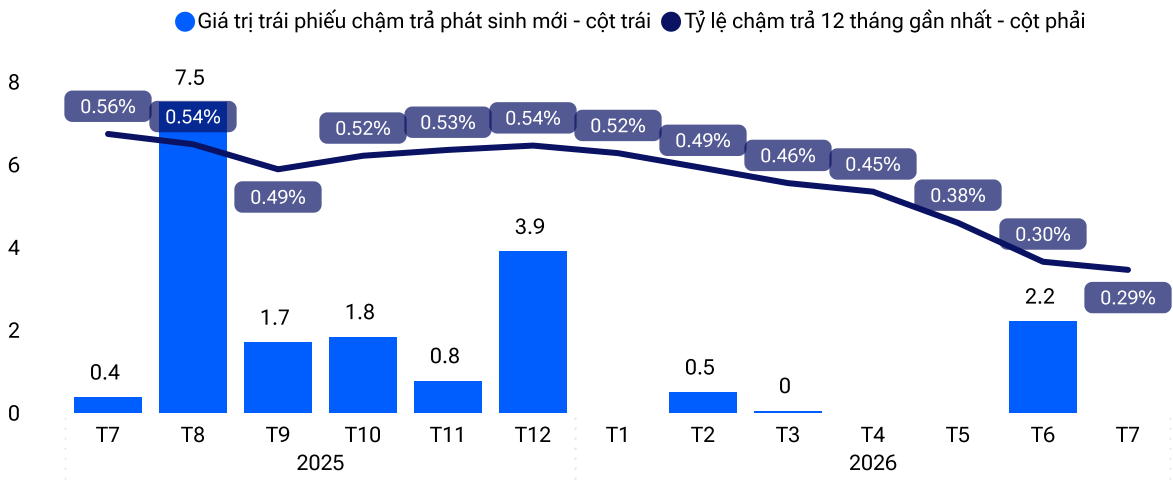
Hình 16: Top 10 tổ chức phát hành có trái phiếu được giao dịch nhiều nhất trong tháng

Tổ chức phát hành	Ngành	Tổng giá trị giao dịch trong tháng	Tổng giá trị giao dịch lũy kế trong năm
CTCP Hàng không Vietjet	Vận tải	21 264	48 015
Tập đoàn VINGROUP - CTCP	Bất động sản dân cư	12 734	49 916
CTCP Vinhomes	Bất động sản dân cư	11 238	71 563
CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Minh An	Bất động sản dân cư	10 613	13 385
CTCP Thời Đại Mới T&T	Bất động sản dân cư	10 494	36 246
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	10 387	118 301
Công ty TNHH Đầu tư Marina Center	Bất động sản dân cư	9 342	12 067
Ngân hàng TMCP Á Châu	Ngân hàng	6 232	37 718
CTCP Phát triển Bất động sản Hưng Long	Bất động sản dân cư	6 187	6 187
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Ngân hàng	5 391	16 951

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng
Nguồn: HNX, VIS Rating

Chậm trả gốc lãi

Hình 17: Giá trị TPDN chậm trả mới trong từng tháng

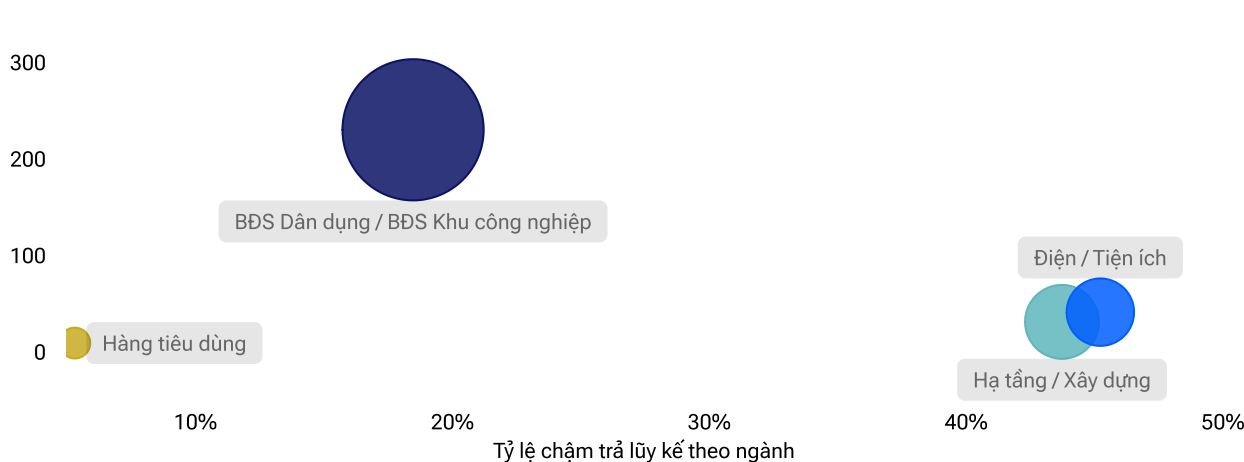


Đơn vị cột trái: Nghìn tỷ đồng

Ghi chú: Tỷ lệ chậm trả 12 tháng gần nhất bằng tổng số trái phiếu chậm trả mới trong 12 tháng qua chia tổng số trái phiếu lưu hành

Nguồn: HNX, VIS Rating

Hình 19: Tỷ lệ chậm trả lũy kế theo ngành

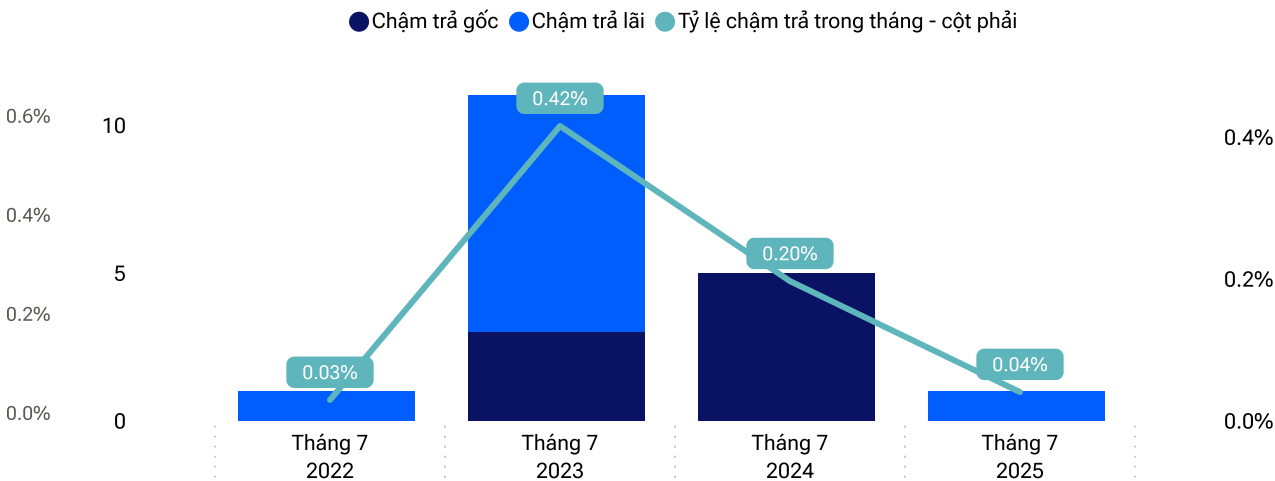


Ghi chú: Trục tung thể hiện số lượng tổ chức phát hành chậm trả. Kích thước bong bóng thể hiện giá trị chậm trả lũy kế

Nguồn: HNX, VIS Rating

Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

Hình 18: Số trái phiếu chậm trả gốc lãi mới và tỷ lệ chậm trả trái phiếu



Đơn vị cột trái: Số mã trái phiếu

Ghi chú: Số trái phiếu chậm trả gốc/lãi và tổng số lượng trái phiếu lưu hành được tính toán riêng cho từng năm

Nguồn: HNX, VIS Rating

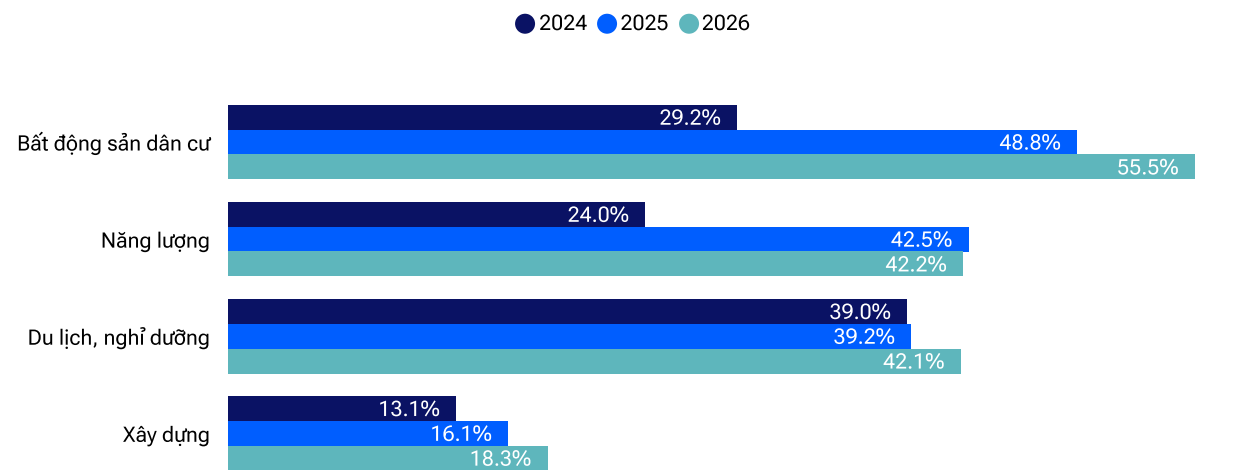
Hình 20: Trái phiếu mới chậm trả trong năm

Tên tổ chức phát hành	Tên trái phiếu	Ngày chậm trả đầu tiên	Giá trị chậm trả (Tỷ đồng)	Chậm trả gốc/lãi
Công ty TNHH Phát triển kinh doanh xây dựng 3	XD3CH2328001	6/20/2026	2 210	Chậm trả gốc
CTCP Thủy điện Thuận Hòa Hà Giang	THHGH1730001	2/25/2026	497	Chậm trả lãi
CTCP Đầu tư TDG Global	TDGH2326001	3/24/2026	40	Chậm trả gốc

Nguồn: HNX, VIS Rating

Tình hình xử lý TPDN chậm trả

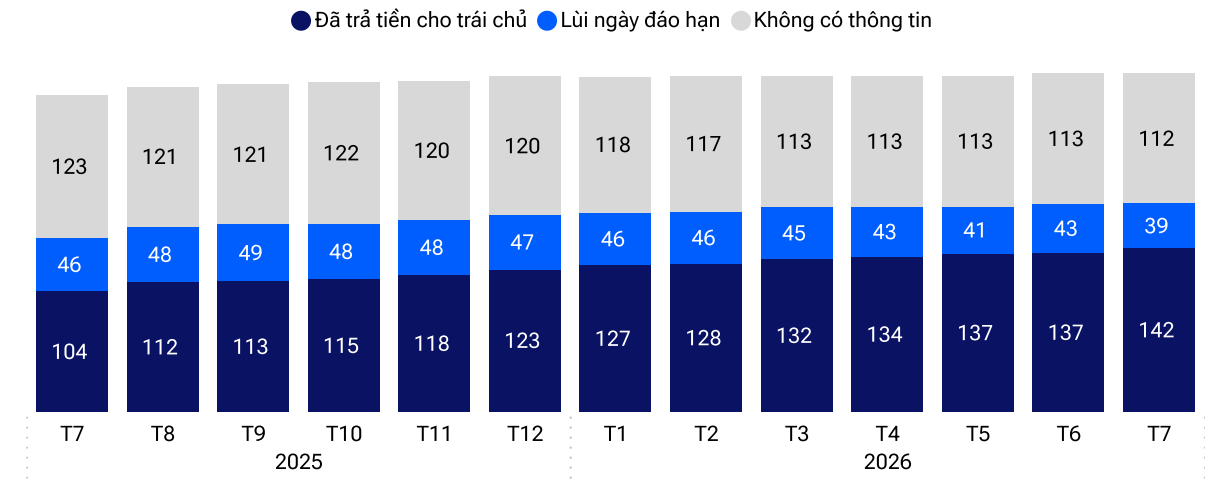
Hình 21: Tỷ lệ thu hồi đối với trái phiếu chậm trả



Ghi chú: Tỷ lệ thu hồi được ước tính dựa trên giá trị gốc đã hoàn trả sau sự kiện chậm trả trái phiếu, bao gồm cả trường hợp mới hoàn trả một phần và vẫn đang trong quá trình tái cơ cấu.

Nguồn: HNX, VIS Rating

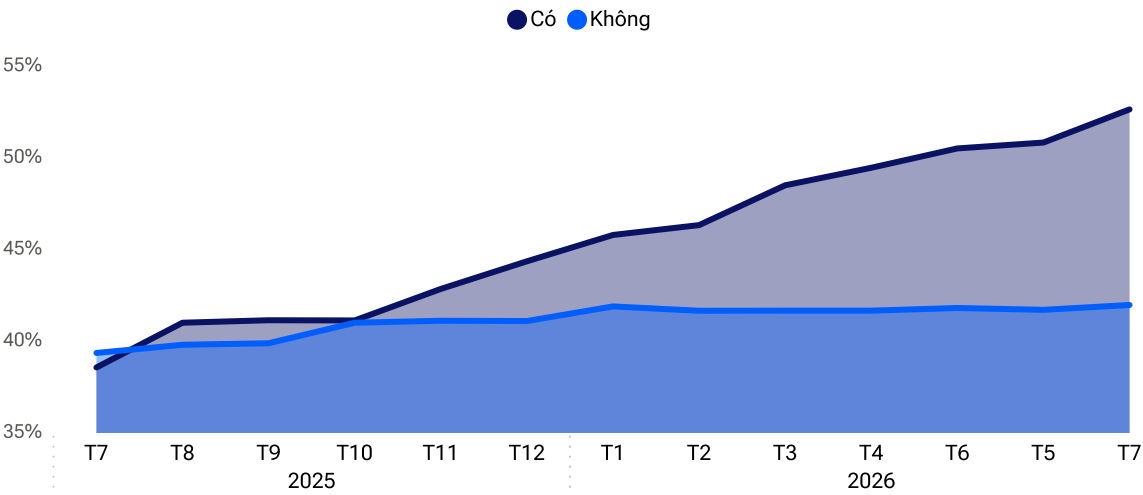
Hình 23: Tình hình tái cấu trúc nợ của trái phiếu chậm trả



Đơn vị: Nghìn tỷ đồng
Nguồn: HNX, VIS Rating

Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

Hình 22: Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả theo loại hình có bảo đảm/không bảo đảm



Nguồn: HNX, VIS Rating

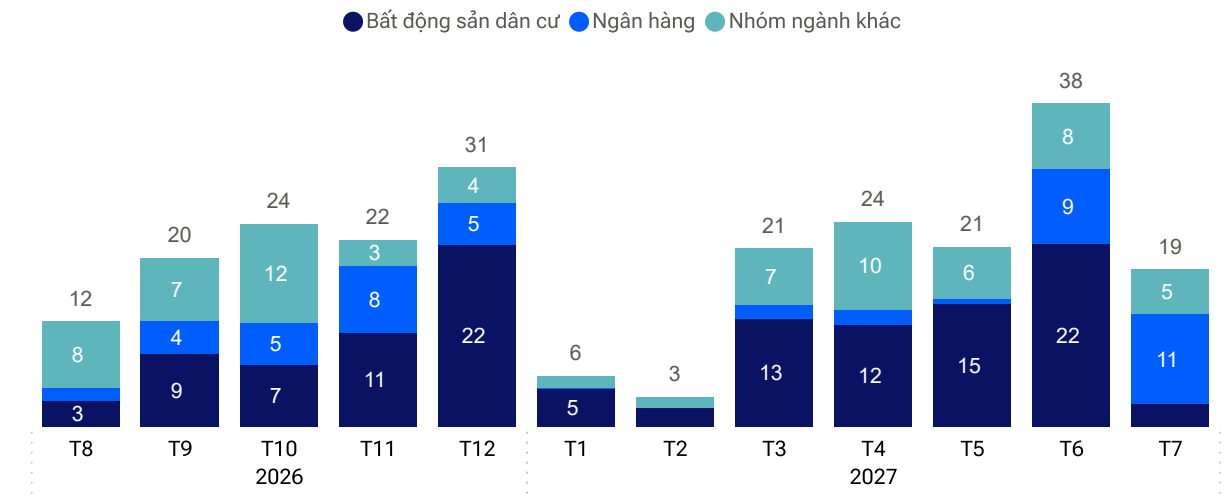
Hình 24: Danh sách TCPH có giá trị hoàn trả nợ gốc chậm trả lớn nhất trong tháng

Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị tiền mặt đã hoàn trả theo TCPH trong tháng	Tổng dư nợ trái phiếu còn lại
CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản dân cư	1,645	6,071
Công ty TNHH Phát triển kinh doanh xây dựng 3	Bất động sản dân cư	1,210	1,000
Công ty TNHH Dịch vụ và Tư vấn xây dựng Anh Quân	Bất động sản dân cư	500	894
CTCP Đầu tư và Xây dựng Sunrise Việt Nam	Bất động sản dân cư	500	0
CTCP Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn	Bất động sản dân cư	425	0
CTCP Hưng Thịnh Investment	Bất động sản dân cư	1	1,594
Công ty TNHH Đầu tư Big Gain	Bất động sản dân cư		2,312

Đơn vị: Tỷ đồng
Nguồn: HNX, VIS Rating

Trái phiếu đáo hạn

Hình 25: Giá trị trái phiếu đáo hạn 12 tháng tới theo ngành



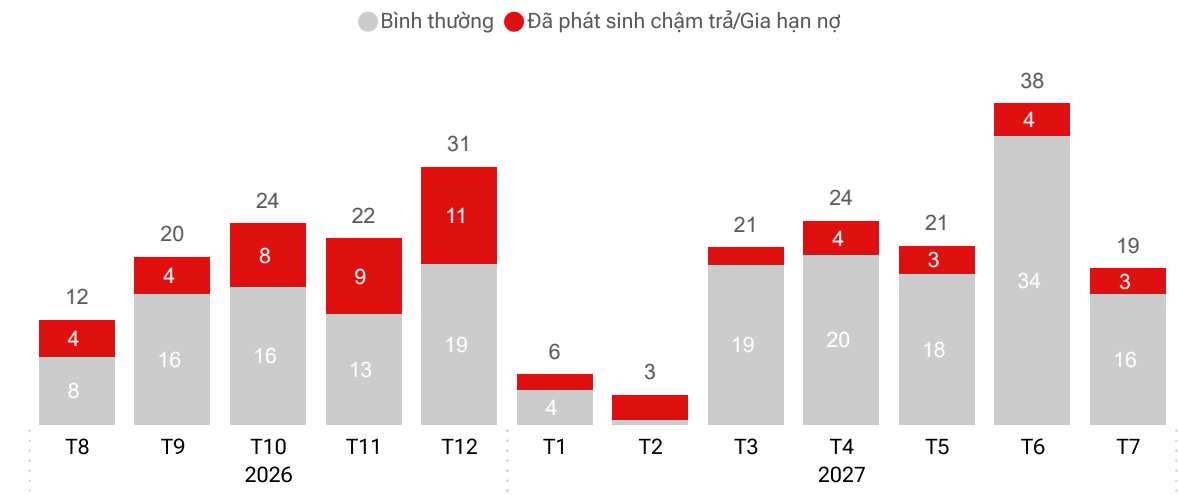
Đơn vị: Nghìn tỷ đồng
Nguồn: HNX, SSC, VIS Rating

Hình 27: Top 10 ngân hàng có giá trị đáo hạn lớn nhất 12 tháng tới

Tổ chức phát hành	Giá trị đáo hạn	Trái phiếu đang lưu hành
Ngân hàng TMCP Á Châu	21,220	38,320
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	7,520	77,911
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	5,000	21,950
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	3,000	39,000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	2,751	65,078
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2,483	81,928
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2,000	10,805
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1,000	15,030
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1,000	32,400
Ngân hàng TMCP An Bình	400	5,400

Đơn vị: Tỷ đồng
Nguồn: HNX, SSC, VIS Rating

Hình 26: Giá trị đáo hạn 12 tháng tới theo trạng thái trái phiếu



Đơn vị: Nghìn tỷ đồng
Nguồn: HNX, SSC, VIS Rating

Hình 28: Top 10 doanh nghiệp phi ngân hàng có giá trị đáo hạn lớn nhất 12 tháng tới

Tổ chức phát hành	Giá trị đáo hạn	Trái phiếu đang lưu hành
Tập đoàn VINGROUP - CTCP	17,736	29,737
Công ty TNHH Hưng Phát Invest Hà Nội	12,650	16,950
Công ty TNHH ParkLand 53	7,000	7,000
CTCP Phát triển Bất động sản Hưng Long	7,000	7,000
CTCP Đầu tư Phát triển Bất động sản TNR Holdings Việt Nam	6,348	8,860
CTCP Vinhomes	6,090	82,090
CTCP Đầu tư và Xây dựng Vạn Trường Phát	6,000	10,000
CTCP Thương mại Xuất nhập khẩu Tam Tài Lộc	5,700	5,700
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Trường Minh	5,500	10,000
CTCP Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	5,125	7,525

Đơn vị: Tỷ đồng
Nguồn: HNX, SSC, VIS Rating